



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG

AISC

ACCOMPANY WITH BUSINESS

**BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 02
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	03
3. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG	04 - 06
4. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO	07 - 09
5. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG	10

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được kiểm toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2014.

1. Thông tin chung về công ty:

Thành lập:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "công ty") là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3203001212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 17/11/2006. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy phép hoạt động và thành lập số 29/UBCK-GPHĐKD ngày 18/12/2006, luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 05 lần điều chỉnh Giấy phép hoạt động và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 30/05/2012. Đến ngày 30/06/2014, các cổ đông đã thực góp là 60.000.000.000 VND, chiếm tỷ lệ 100 % vốn điều lệ đã đăng ký.

Tên tiếng anh: DANANG SECURITIES COMPANY

Tên viết tắt: DNSC.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động chính của Công ty:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: môi giới chứng khoán; tư vấn đầu tư chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Trụ sở chính: 102 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận Hải Châu, Tp Đà Nẵng.

2. Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính:

Tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được trình bày trong báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính gồm có:

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Quang Trung

Ông Nguyễn Văn Nam

Bà Mai Thị Thi

Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT

Ban Kiểm soát

Bà Mai Trương Tú Oanh

Trưởng ban

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Đào Thị Phước

Bà Mai Thị Thi

Bà Nguyễn Thị Kiều Giang

Tổng Giám Đốc

Giám đốc tài chính

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Nguyễn Quang Trung - Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Tuy nhiên, Ông Nguyễn Quang Trung đã ủy quyền cho Bà Đào Thị Phước - Tổng giám đốc của Công ty được ký các Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 02/2012/UQ-DNSC ngày 02/07/2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp.HCM tại Đà Nẵng (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30/06/2014.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014. Trong việc soạn lập Báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 và được lập theo đúng các quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và Thông tư số 165/2012/TT -BTC ngày 09/10/2012 của Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính.
- Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập Báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo;

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính phù hợp với quy định của Bộ Tài Chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2014.

Tp. Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng giám đốc



Đào Thị Phước

Tổng Giám đốc



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM
Auditing & Informatic Services Company Limited

Office: 142 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh
Tel: (84.8) 3930 5163 (10 Lines) Fax: (84.8) 3930 4281
Email: info@aisc.com.vn Website: www.aisc.com.vn



Số: 07.14.79

BÁO CÁO SOÁT XÉT VỀ BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Kính gửi:

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Đà Nẵng.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG, được lập ngày 28/07/2014, từ trang 04 đến trang 10 kèm theo.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty theo quy định tại thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu.

Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tỷ lệ an toàn tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với các quy định tại thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2010 và Thông tư số 165/2012/TT-BTC ngày 9 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 226/2010/TT-BTC quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

NGUYỄN THỊ HIỆP

Số GCNĐKHNKT: 1401-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp



Tp. Đà Nẵng, ngày 12 tháng 08 năm 2014

GIÁM ĐỐC

ĐẶNG NGỌC TÚ

Số GCNĐKHNKT: 0213-2013-05-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

DVT: VNĐ

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	Nguồn vốn	58.784.140.457	(13.104.591.666)	-
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	60.000.000.000	-	-
2	Thặng dư vốn cổ phần	500.000.000	-	-
3	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
4	Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ	-	-	-
5	Quỹ Đầu tư phát triển	138.256.882	-	-
6	Quỹ Dự phòng tài chính	138.256.882	-	-
7	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-
8	Lợi nhuận tích lũy và lợi nhuận chưa phân phối trước khi trích lập các khoản dự phòng theo quy định của pháp luật	(1.992.373.307)	-	-
9	Chênh lệch đánh giá lại tài sản (50% tăng thêm hoặc 100% giảm đi)	-	-	-
10	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-
11	Lợi ích của Cổ đông thiểu số	-	-	-
12	Các khoản nợ có thể chuyển đổi	-	-	-
13	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính	-	(13.104.591.666)	-
1A	Tổng	45.679.548.791		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

ĐVT: VNĐ

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
B	Tài sản ngắn hạn	-		-
<i>I</i>	<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>		-	-
<i>II</i>	<i>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	-	-	-
1	Đầu tư ngắn hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5	-	-	-
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	-	-	-
<i>III</i>	<i>Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	-	639.775.063	-
1	Phải thu của khách hàng	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-		
2	Trả trước cho người bán	-	50.400.000	-
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5	Các khoản phải thu khác	-	589.375.063	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	589.375.063	-
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	-	-	-
<i>IV</i>	<i>Hàng tồn kho</i>	-	-	-
<i>V</i>	<i>Tài sản ngắn hạn khác</i>	-	416.267.275	-
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	-	416.267.275	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	-
3	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-
4	Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
4,1	Tạm ứng	-	-	-
4,2	Phải thu khác, tài sản ngắn hạn khác	-	-	-
1B	Tổng		1.056.042.338	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

DVT: VNĐ

Stt	Nội dung	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
C	Tài sản dài hạn	-	23.750.515.384	-
I	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn của khách hàng có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-
3	Phải thu dài hạn nội bộ	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
4	Phải thu dài hạn khác	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống	-	-	-
	Phải thu dài hạn khác có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày	-	-	-
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	-	-	-
II	Tài sản cố định	-	21.364.473.812	-
III	Bất động sản đầu tư	-	-	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-
1	Đầu tư vào công ty con	-	-	-
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-
3	Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	-
	Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 8	-	-	-
	Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng theo quy định khoản 5 Điều 5	-	-	-
4	Đầu tư dài hạn khác	-	-	-
5	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	-	-	-
V	Tài sản dài hạn khác	-	2.386.041.572	-
	Các chỉ tiêu tài sản bị coi là khoản ngoại trừ tại báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5	-	-	-
1C	Tổng	23.750.515.384		
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C		20.872.991.069		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

ĐVT: VNĐ

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ			12.000.000.000	-
1	Tiền mặt (VNĐ)	0%		-
2	Các khoản tương đương tiền	0%	12.000.000.000	-
3	Giấy tờ có giá trên thị trường tiền tệ	0%		-
II. Trái phiếu Chính phủ			-	-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	0%		-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cố định			-
5,1	Trái phiếu chính phủ, trái phiếu chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi chính phủ hoặc các ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, IADC, AFDB, EIB và EBRD	3%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm	3%		-
5,2	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 tới 5 năm	4%		-
	Trái phiếu công trình được Chính phủ, Bộ Tài chính bảo lãnh có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên	5%		-
III. Trái phiếu Doanh nghiệp				
6	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	8%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15%		-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20%		-
7	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 1 đến 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30%		-
	Trái phiếu không niêm yết có thời gian đáo hạn từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	40%		-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

ĐVT: VNĐ

IV. Cổ phiếu			5.099.846.000	2.291.128.145
8	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh; Chứng chỉ quỹ đại chúng dạng mở	10%	593.445.100	59.344.510
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội	15%	61.190.900	9.178.635
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi các công ty đại chúng chưa niêm yết, đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20%		-
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các Công ty Đại chúng đã đăng ký lưu ký, chưa niêm yết hoặc đăng ký giao dịch	30%		-
12	Cổ phiếu của các công ty đại chúng khác	50%	4.445.210.000	2.222.605.000
V. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán			-	-
13	Quỹ đại chúng	10%		-
14	Quỹ thành viên	30%		-
A. RỦI RO THỊ TRƯỜNG				
Các hạng mục đầu tư		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
VI. Chứng khoán bị hạn chế giao dịch			124.355.000	62.177.500
15	Chứng khoán bị tạm ngừng, đình chỉ giao dịch (không bao gồm trường hợp cổ phiếu tạm ngừng giao dịch để chuyển sàn giao dịch)	40%	-	-
16	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	50%	124.355.000	62.177.500
VII. Chứng khoán khác			-	-
17	Cổ phần, phần vốn góp và các loại chứng khoán khác	80%	-	-
VIII. Rủi ro tăng thêm (nếu có)			-	-
	Mã chứng khoán	Mức tăng thêm	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1				-
2				
(A) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A = I + II+ III+IV+ V+VI+VII+VIII)			17.224.201.000	2.353.305.645

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

DVT: VND

B. RỦI RO THANH TOÁN

Loại hình giao dịch		Giá trị rủi ro						Tổng giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	HỆ SỐ RỦI RO THANH TOÁN THEO ĐỐI TÁC	0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
I. Rủi ro trước thời hạn thanh toán								
1	Tiền gửi kỳ hạn và các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm và các khoản phải thu từ hoạt động giao dịch và nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán					720.000.000		720.000.000
2	Cho vay chứng khoán							-
3	Vay chứng khoán							-
4	Hợp đồng mua chứng khoán có cam kết bán lại (Repo)							-
5	Hợp đồng bán chứng khoán có cam kết mua lại (Reverse Repo)							-
6	Hợp đồng cho vay mua ký quỹ (cho khách hàng vay mua chứng khoán)/ Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất						144.792.000	144.792.000
	Cộng							864.792.000
II. Rủi ro quá thời hạn thanh toán								
Thời gian quá hạn		Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro			
1	0 -15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16%						
2	16 -30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32%						
3	31-60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48%						
4	Từ 60 ngày trở đi	100%						
	Cộng							-
III. Rủi ro tăng thêm (nếu có)								
	Chi tiết tới từng khoản vay, tới từng đối tác	Mức tăng thêm		Quy mô rủi ro		Giá trị rủi ro		
1								
	Cộng							-
(B) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN (B= I+II+III)								864.792.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

DVT: VNĐ

C. RỦI RO HOẠT ĐỘNG (TÍNH TRONG VÒNG 12 THÁNG)		Giá trị
I.	Tổng Chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	5.858.144.181
II.	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	774.282.339
	1. Chi phí khấu hao	529.937.839
	2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	244.344.500
	3. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	
	4. Dự phòng phải thu khó đòi	
III.	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III = I - II)	5.083.861.842
IV.	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV = 25% III)	1.270.965.461
V.	20% Vốn pháp định của tổ chức kinh doanh chứng khoán	7.000.000.000
(C) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (C=Max{IV,V})		7.000.000.000

(D) TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO (A+B+C)	10.218.097.645
--	-----------------------

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

Stt	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	2.353.305.645	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	864.792.000	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	7.000.000.000	
4	Tổng giá trị rủi ro (4= 1+2+3)	10.218.097.645	
5	Vốn khả dụng	20.872.991.069	
6	Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng (6=5/4)	204%	

Tp. Đà Nẵng, Ngày 28 tháng 07 năm 2014

Kế toán trưởng

Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Kiều Giang

Tăng Thực Vy

Đào Thị Phước